

**SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM Y TẾ TP ĐÔNG HÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~38~~ VBCB-TTYTĐH

Đông Hà, ngày 03 tháng 10 năm 2019

Đỗ Văn Hùng:
Lđ, NVY

VĂN BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Quảng Trị

Tên cơ sở nộp hồ sơ : Trung tâm Y tế thành phố Đông Hà

Địa điểm: 83 Lê Lợi - TP Đông Hà- Tỉnh Quảng Trị

Điện thoại : 0533852242. Email (nếu có): anhtuyenkhnv@gmail.com

Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe và gửi kèm theo văn bản này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

1. Bản sao có chứng thực Giấy phép hoạt động của cơ sở ☒
2. Danh sách người tham gia khám sức khỏe ☒
3. Danh mục trang thiết bị, cơ sở vật chất ☒
4. Báo cáo về phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở KSK ☒
5. Các hợp đồng hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật hợp pháp đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này. ☐



GIÁM ĐỐC

Đặng Chí Linh

**SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM Y TẾ TP ĐÔNG HÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/DS-TTYTĐH

Đông Hà, ngày 03 tháng 10 năm 2019

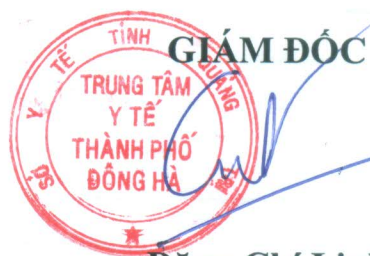
DANH SÁCH NGƯỜI THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE

TT	Họ và tên	Bằng cấp chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám bệnh, chữa bệnh
1.	Đặng Chí Linh	Bs CKI	000363/QT-CCHN	-Khám lâm sàng. - Kết luận	30
2.	Lê Đan Tâm	Bs CKI	000118/QT-CCHN	-Khám lâm sàng. Kết luận	27
3.	Nguyễn Chơn Viễn	Bs CKI	000364/QT-CCHN	- Khám lâm sàng. - Kết luận	26
4.	Hoàng Thị Tuyết Nhung	BS CK1	002311/QT-CCHN	- Khám lâm sàng. - Kết luận	18
5.	Nguyễn Thị Nga	Điều dưỡng	000379/QT-CCHN	Khám lâm sàng	7
6.	Hoàng Thị Diệu Trinh	BS ĐK	000366/QT-CCHN	Khám lâm sàng	14
7.	Nguyễn Ngọc Sơn	Bs CKI	000096/QT-CCHN	Khám lâm sàng	15
8.	Lê Thị Diệu Trà	Điều dưỡng	000380/QT-CCHN	Khám lâm sàng	10
9.	Lê Viết Đồng	Bs CKI	000109/QT-CCHN	Khám lâm sàng	7
10.	Phạm Thị Vân	Hộ sinh	000388/QT-CCHN	Khám lâm sàng	22
11.	Phan Thị Liên	Hộ sinh	000389/QT-CCHN	Khám lâm sàng	20
12.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Hộ sinh	000390/QT-CCHN	Khám lâm sàng	10
13.	Trần Thị Mỹ Lệ	Hộ sinh	000393/QT-CCHN	Khám lâm sàng	10
14.	Nguyễn Thị Huế	Hộ sinh	000391/QT-CCHN	Khám lâm sàng	11
15.	Nguyễn Thị Mai Linh	Điều	000374/QT-CCHN	Khám lâm	17

		dưỡng		sàng	
16.	Hoàng Thị Thương	Điều dưỡng	000375/QT-CCHN	Khám lâm sàng	10
17.	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Điều dưỡng	000376/QT-CCHN	Khám lâm sàng	11
18.	Nguyễn Thị Phương	Điều dưỡng	000373/QT-CCHN	Khám lâm sàng	9
19.	Võ Thị Hoa	Hộ sinh	000385/QT-CCHN	Khám lâm sàng	20
20.	Dương Văn Dũng	Xét nghiệm	000396/QT-CCHN	Xét nghiệm	14
21.	Nguyễn Thị Tâm	Hộ sinh	000394/QT-CCHN	Khám lâm sàng	12
22.	Đỗ Thị Thu Mai	Điều dưỡng	000371/QT-CCHN	Khám lâm sàng	12
23.	Ngô Thị Tâm	Điều dưỡng	000370/QT-CCHN	Khám lâm sàng	10
24.	Hồ Thị Nhân	Hộ sinh	000368/QT-CCHN	Khám lâm sàng	24
25.	Trần Thị Phương Thảo	Điều dưỡng	000381/QT-CCHN	Khám lâm sàng	12
26.	Phan Thị Hồng Quyên	Điều dưỡng	000382/QT-CCHN	Khám lâm sàng	11
27.	Hồ Thị Ngọc Lam	Điều dưỡng	000384/QT-CCHN	Khám lâm sàng	15
28.	Đỗ Thị Hằng	Xét nghiệm	000398/QT-CCHN	Xét nghiệm	12
29.	Nguyễn Thành Nhân	X - quang	000399/QT-CCHN	X - quang	17
30.	Nguyễn Thế Vinh	X - quang	000397/QT-CCHN	X - quang	13
31.	Phan Thị Thúy Thanh	CNHộ sinh	000400/QT-CCHN	Khám lâm sàng	25
32.	Lê Thị Thu Hà	Xét nghiệm	000401/QT-CCHN	Xét nghiệm	20
33.	Dương Thị Gấm Nhi	Điều dưỡng	000377/QT-CCHN	Khám lâm sàng	21
34.	Trần Thị Huế	Y sĩ	000584/QT-CCHN	Khám lâm sàng	20
35.	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Hộ sinh TH	000387/QT-CCHN	Khám lâm sàng	8
36.	Lê Thị Thanh An	Bác sĩ đa khoa	002871/QT-CCHN/	Khám lâm sàng	6
37.	Hoàng Thị Quỳnh	Bác sĩ đa khoa	003108/QT-CCHN	Khám lâm sàng	7
38.	Hồ Thị Mỹ Duyên	Bác sĩ CK1	002912/QT-CCHN	Khám lâm sàng	7
39.	Phạm Việt Thành	Bác sĩ đa khoa	003172/QT-CCHN	Khám lâm sàng	14

40.	Trần Thị Hải Lý	Xét nghiệm	003157/QT-CCHN	Xét nghiệm	10
41.	Nguyễn Thị Hồng Minh	Hộ sinh	0002624/QT-CCHN	Khám lâm sàng	20
42.	Bùi Thị Phương Thảo	Hộ sinh	002623/QT-CCHN	Khám lâm sàng	20
43.	Lê Thị Hải	Điều dưỡng	002744/QT-CCHN	Khám lâm sàng	7
44.	Lê Thị Liên	Điều dưỡng	0002618/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
45.	Nguyễn Thị Thúy Vân	Hộ sinh	000786/QT-CCHN/	Khám lâm sàng	7
46.	Mai Nữ Lệ Tuyền	Điều dưỡng	000817/QT-CCHN	Khám lâm sàng	9
47.	Ngô Thị Lựu	Bác sĩ đa khoa	0002355/QT-CCHN	Khám lâm sàng	14
48.	Phan Thị Thảo Nhi	Hộ sinh	003200/QT-CCHN	Khám lâm sàng	25
49.	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Điều dưỡng	002749/QT-CCHN	Khám lâm sàng	15
50.	Lê Quang Trường	Điều dưỡng	0002604/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
51.	Nguyễn Thị Hải Yến	Điều dưỡng	001384/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
52.	Phạm Thị Cẩm Nhung	Điều dưỡng	0002657/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
53.	Nguyễn Thị Thu Hoài	Điều dưỡng	0002743/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
54.	Lê Hoài Nam	Điều dưỡng	001546/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
55.	Bùi Thị Thơm	Điều dưỡng	002708/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
56.	Hoàng Thị Nga	Điều dưỡng	003001/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
57.	Phan Thị Thanh Tuyền	Điều dưỡng	003402/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
58.	Nguyễn Thị Kiều Liên	Điều dưỡng	000378/QT-CCHN	Khám lâm sàng	18
59.	Trần Quang Minh	Xét nghiệm	0002250/QT-CCHN	Xét nghiệm	9
60.	Hồ Thị Ánh Tuyền	Hộ sinh	000386/QT-CCHN	Khám lâm sàng	12
61.	Lê Thị Phượng	Điều dưỡng	003203/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
62.	Lê Thị Kim Liên	Bác sĩ đa khoa	0002595/QT-CCHN	Khám lâm sàng	20

63.	Võ Thị Thúy Nhật	Bác sỹ đa khoa	0002594/QT-CCHN	Khám lâm sàng	14
64.	Lê Thị Châu Linh	Bác sỹ nha khoa	0002309/QT-CCHN	Khám lâm sàng	6
65.	Mai Chiêm Thành	Bác sỹ nha khoa	000040/QT-CCHN	Khám lâm sàng	30
66.	Trần Thị Quỳnh Hoa	Bác sỹ sản khoa	000065/QT-CCHN ⁺	Khám lâm sàng	21
67.	Bùi Thị Ly Na	Điều dưỡng	000383/QT-CCHN	Khám lâm sàng	11
68.	Nguyễn Việt Anh	Điều dưỡng	003472/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
69.	Lê Thị Ngân	Điều dưỡng	002013/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
70.	Lê Văn Nhật Tiến	Điều dưỡng	002806/QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
71.	Nguyễn Thị Thu Tùng	Y sỹ	0001754/QT-CCHN	Khám lâm sàng	20
72.	Lê Thị Thanh Nhàn	Điều dưỡng	001852//QT-CCHN	Khám lâm sàng	2
73.	Nguyễn Thị Hồng	Y sỹ	0002250/QT-CCHN	Khám lâm sàng	25
74.	Hồ Thị Hồng Phượng	Hộ sinh	003609/QT-CCHN	Khám lâm sàng	11



Đặng Chí Linh

Đông Hà, ngày 03 tháng 10 năm 2019

**DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ Y TẾ
CỦA CƠ SỞ KHÁM SỨC KHỎE**

TT	Nội dung	Số lượng
I. CƠ SỞ VẬT CHẤT		
1	Phòng tiếp đón	01
2	Phòng khám chuyên khoa: Nội, nhi, ngoại, sản phụ khoa, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da liễu	10
3	Phòng chụp X. quang	02
4	Phòng xét nghiệm	03
II. THIẾT BỊ Y TẾ		
1	Tủ hồ sơ bệnh án/phương tiện lưu trữ hồ sơ khám sức khỏe	01
2	Tủ thuốc cấp cứu/túi thuốc cấp cứu	01
3	Bộ bàn ghế khám bệnh	10
4	Giường khám bệnh	10
5	Ghế chờ khám	50
6	Tủ sấy dụng cụ	03
7	Nồi luộc, khử trùng dụng cụ y tế	03
8	Cân có thước đo chiều cao/Thước dây	02
9	Ống nghe tim phổi	10
10	Huyết áp kế	10
11	Đèn đọc phim X.quang	02
12	Búa thử phản xạ	01
13	Bộ khám da (kính lúp)	01
14	Đèn soi đáy mắt	01
15	Hộp kính thử thị lực	01
16	Bảng kiểm tra thị lực	02
17	Bảng thị lực màu	01
18	Bộ khám tai mũi họng: đèn soi, 20 bộ dụng cụ, khay đựng	01
19	Bộ khám răng hàm mặt	01
20	Bàn khám và bộ dụng cụ khám phụ khoa	01
21	Thiết bị phân tích huyết học	01
22	Thiết bị phân tích sinh hóa	01
23	Thiết bị phân tích nước tiểu/Bộ dụng cụ thử nước tiểu	01
24	Thiết bị chụp X. quang	01



GIÁM ĐỐC

Đặng Chí Linh